

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 143/NQ-CP ngày 14/11/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Nghĩa Hành;

Theo đề nghị của UBND huyện Nghĩa Hành tại Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 04/02/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-STNMT ngày 19/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Nghĩa Hành, với các nội dung như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2021 (Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp

a) Tổng số danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2021 là 06 công trình, dự án với tổng diện tích là 17,4 ha. Trong đó:

- Có 03 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 15,37 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo).

- Có 03 công trình, dự án không thuộc khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với diện tích 2,03 ha (Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo). Riêng đối với diện tích hộ gia đình, cá nhân chỉ thể hiện chỉ tiêu chung trong danh mục và được thể hiện chi tiết từng thửa đất trong báo cáo thuyết minh, bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

b) Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp:

Có 02 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai, với diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất lúa 10,0 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 (Chi tiết tại Phụ biểu 03 kèm theo).

6. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2021

Trong năm 2021, UBND huyện Nghĩa Hành đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất với tổng số 01 công trình, dự án (Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Nghĩa Hành chịu trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai và chịu trách nhiệm nội dung đăng ký danh mục công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Việc chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: Giao Sở

Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Nghĩa Hành kiểm tra, rà soát hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Nghĩa Hành, trình cấp thẩm quyền xem xét đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

4. Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Nghĩa Hành theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, xác nhận, thông báo cho tổ chức, cá nhân được giao, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo đúng quy định tại các Quyết định: Số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 và số 08/2020/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 của UBND tỉnh.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh công trình, dự án mới trong năm kế hoạch sử dụng đất thì tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định; trường hợp triển khai thực hiện thủ tục đất đai (*thông báo thu hồi đất, lập phương án bồi thường, thu hồi đất,...*) mà phát hiện công trình, dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa đúng theo quy định pháp luật đất đai thì kịp thời đề xuất UBND tỉnh (*thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) xem xét, điều chỉnh quyết định cho đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, các Phòng n/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh69).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính												
				Thị trấn Chợ chùa	Xã Hành Thuận	Xã Hành Dũng	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Tây	Xã Hành Tín Đông	
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	33,31	5,69	1,48	2,45	2,40	2,17	2,75	1,96	3,50	4,09	3,22	1,77	1,83	
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	25,90	3,50	3,08	0,96	1,49	1,58	1,65	1,77	1,43	5,35	1,48	1,92	1,69	
	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	
	Đất chợ	DCH	5,45	0,67	0,74	0,23	0,27	0,43	0,25	0,14	0,29	1,51	0,69	0,10	0,13	
2.10	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT	8,08	2,58		0,58	0,08		0,32		3,47		0,10	0,30	0,65	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00													
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	18,97			18,39					0,05	0,05	0,13	0,35		
2.13	Đất ở tại nông thôn	DRA	1.019,11		46,72	162,48	80,93	66,69	321,78	62,67	72,11	66,51	58,61	38,22	42,39	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	102,98	102,98												
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,98	4,42	0,86	0,28	0,23	0,11	0,37	1,62	0,64	0,40	0,31	1,16	0,58	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,71	1,19	0,17	0,33		0,16	1,00		1,52	0,06	0,28			
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00													
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,64	1,15	0,43	0,19	1,13	0,57	3,99	0,54	0,28		0,36			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	422,81	30,72	21,15	43,42	39,93	30,60	40,68	26,09	57,80	30,08	66,37	24,39	11,58	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	15,23	0,00	4,88		0,40	0,00	2,69	0,00	0,00	0,00	2,44	0,00	4,82	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,22	0,60	0,93	1,73	0,26	2,35	0,45	0,83	1,15	1,30	1,54	0,60	0,48	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,90	3,91	0,19							0,80				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	5,89	0,69	1,11	1,09	0,92	0,41	0,38	0,54	0,48	0,01	0,26			
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	871,85	22,63	10,05	40,11	13,20	34,67	11,79	14,33	126,86	133,01	138,46	120,22	206,52	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	66,52	7,48	1,38	0,02	24,64	0,72	20,32	2,39	5,95		0,21	3,35	0,06	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,90	0,21						0,06	0,63					
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	196,72	0,06	2,56	33,55	7,46	35,19	5,77	6,37	32,20	6,68	4,98	11,42	50,48	
4	ĐẤT KHU CÔNG NGHỆ CAO*	KCN	0,00													
5	ĐẤT KHU KINH TẾ*	KKT	0,00													
6	ĐẤT ĐÓ THỊ*	KDT	0,00													



KIỂM TRA CH THU HỒI DẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHIã HãNH
(theo lịch Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh)

Phân theo đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn Chợ chua	Xã Hành Thuận	Xã Hành Dũng	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tân Tây	Xã Hành Tân Đông		
(0)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)		
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		NNP	38,66	10,19	4,43	11,53	0,89	0,29	3,70	2,78	1,14	1,58	1,06	0,10	0,97	
1.1	Đất trồng lúa		LUA	26,25	9,60	1,72	9,95	0,05	0,11	3,02	1,77	0,01	0,01	0,01			
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước		LUC	26,25	9,60	1,72	9,95	0,05	0,11	3,02	1,77	0,01	0,01	0,01			
	Đất trồng lúa nước còn lại		LUK														
	Đất trồng lúa nương		LUN														
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác		HNK	11,57	0,51	2,71	1,58	0,84	0,18	0,65	1,01	0,87	1,51	0,97	0,10	0,64	
1.3	Đất trồng cây lâu năm		CLN	0,63	0,05							0,24	0,01			0,33	
1.4	Đất rừng phòng hộ		RPH														
1.5	Đất rừng đặc dụng		RDD														
1.6	Đất rừng sản xuất		RSX	0,18						0,03		0,02	0,05	0,08			
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		NTS	0,03	0,03												
1.8	Đất làm muối		LMU														
1.9	Đất nông nghiệp khác		NKH														
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP		PNN	10,80	1,58	1,64	3,00		1,27	0,45		0,95		0,78		1,13	
2.1	Đất quốc phòng		CQP														
2.2	Đất an ninh		CAN														
2.3	Đất khu công nghiệp		SKK														
2.4	Đất khu chế xuất		SKT														
2.5	Đất cụm công nghiệp		SKN														
2.6	Đất thương mại dịch vụ		TMD														
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		SKC	0,04	0,03											0,01	
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản		SKS														
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã		DHT	6,19	1,13	1,64	1,92			0,37		0,32		0,78		0,03	
	Đất giao thông		DGT	2,03		1,63	0,31			0,06				0,03			
	Đất thủy lợi		DTL	2,51	0,03	0,01	1,61			0,31				0,52		0,03	
	Đất công trình năng lượng		DNL														
	Đất công trình bưu chính viễn thông		DBV														
	Đất cơ sở văn hóa		DVH														
	Đất cơ sở y tế		DYT														
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo		DGD	1,49	1,10							0,32		0,07			
	Đất cơ sở thể dục - thể thao		DYT	0,16										0,16			

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHĨA HẠNH
Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 29/02/2021 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: ha

TT	Mục đích sử dụng	Mã SDD	Diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Thuận	Xã Hành Dũng	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tín Tây	Xã Hành Tín Đông			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	41,84	11,02	4,64	11,63	1,09	0,38	4,62	3,42	1,36	1,56	0,98	0,17	0,97			
	<i>Trong đó:</i>																	
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	26,25	9,60	1,72	9,95	0,05	0,11	3,02	1,77	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00			
	<i>Trong đó: Đất chuyển trồng lúa nước</i>	LU/C/PNN	26,25	9,60	1,72	9,95	0,05	0,11	3,02	1,77	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00			
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LU/K/PNN	0,00															
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	13,64	0,56	2,87	1,63	1,04	0,26	1,60	1,41	0,94	1,55	0,97	0,17	0,64			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	1,92	0,83	0,05	0,05		0,01		0,24	0,41				0,33			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,00															
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,00															
1.6	Đất rừng sản xuất	RSSX/PNN	0,00															
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,03	0,03														
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	0,00															
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,00															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		0,00															
	<i>Trong đó:</i>																	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	0,00															
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm nông nghiệp	LUA/LNP	0,00															
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	0,00															
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	0,00															
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	0,00															
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	0,00															
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR ⁽⁴⁾	0,00															
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ⁽⁴⁾	0,00															
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSSX/NKR ⁽⁶⁾	0,00															
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	4,52	0,03	1,64	1,92			0,37		0,33		0,23					

KẾ HOẠCH ĐUÑA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH
(Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 24/10/2021 của UBND tỉnh)



Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính														
				Thị trấn Chợ Chùa	Xã Hành Thuận	Xã Hành Dũng	Xã Hành Trung	Xã Hành Nhân	Xã Hành Đức	Xã Hành Minh	Xã Hành Phước	Xã Hành Thiện	Xã Hành Thịnh	Xã Hành Tân Tây	Xã Hành Tân Đông			
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(16)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)			
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1.1	Đất trồng lúa	LUA																
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC																
	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK																
	Đất trồng lúa nương	LUN																
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																
1.6	Đất rừng sản xuất	R SX																
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																
1.8	Đất làm muối	LMU																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	0,62			0,42	0,11		0,02		0,07							
2.1	Đất quốc phòng	CQP																
2.2	Đất an ninh	CAN																
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD																
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																
2.8	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS																
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,49		0,42						0,07							
	Đất giao thông	DGT	0,11		0,04						0,07							
	Đất thủy lợi	DTL	0,38		0,38													
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DNL																
	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV																
	Đất cơ sở văn hóa	DVH																
	Đất cơ sở y tế	DYT																
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD																
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT																

Phụ biểu 01:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH

(Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh)



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư						(13)
						Trong đó					(12)	
TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
1	Khu cải tạo mở mã xã	1,00	xã Hành Trung	Tờ số 11	Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 UBND huyện Nghĩa Hành về việc thu hồi một phần diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức để thực hiện Dự án: Khu cải tạo mở mã xã Hành Trung, huyện Nghĩa Hành (Giai đoạn 1)	775,0				775		
2	Kè bảo vệ bờ Bắc sông Vệ Doạn hạ lưu cầu Vệ Vệ (QL1A) và đoạn cầu đường sắt tỉnh Quảng Ngãi	1,06	xã Hành Phước	Tờ số 7 và 8	Quyết định số 107/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019 cho một số Bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách	79,0	45	34				

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
3	Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	13,31	Xã Hành Dũng	Tờ bản đồ 6, 11	Thông báo số 170/TB_UBND, ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Tăng Bình - Phó chủ tịch Thường trực phụ trách UBND tỉnh tại buổi gặp gỡ, tiếp xúc với một số hộ dân tại các xã: Hành Thuận, Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành bị ảnh hưởng bởi khu xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ; Quyết định 683/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư khẩn cấp dự án tái định cư để di dời các hộ dân bị ảnh hưởng tại Bãi chôn lấp rác sinh hoạt Nghĩa Kỳ	15.834,0		15.834,0				
Tổng cộng: 3 CT						16.688	45	15.868	0	775	0	

Phụ biểu 02:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62 LẬP ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 27/02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích hoạch quy (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Trụ sở nhà làm việc Công an xã	0,09	xã Hành Thuận	Tờ số 11, Thửa số 47	Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 và số 1170/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh	
2	Xây dựng thao trường huấn luyện cho BCHQS huyện Nghĩa Hành thuộc BCHQS tỉnh Quảng Ngãi	1,50	xã Hành Thịnh	Tờ số 12, 40	Quyết định số 1092/QĐ-BTL ngày 05/6/2014 của Bộ Tư lệnh Quân khu 5	
3	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân	0,44	các xã, thị trấn			Theo Công văn số 6110/STNMT-QLĐD ngày 31/12/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường (đã thẩm định và trình UBND tỉnh)
Tổng cộng: 3 CT		2,03				

Phụ biểu 03:

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THUẬN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LỬA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN NĂM 2021 CỦA HUYỆN NGHĨA HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đơn cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Khu cải táng mồ mã xã	1,00	0,053		Xã Hành Trung	Tờ BD số: 11	
2	Di dân, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư và tạo hành lang an toàn môi trường Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ thuộc huyện Nghĩa Hành	13,31	9,95		Xã Hành Dũng	Tờ BD số: 6, 11	
TỔNG CỘNG: 2 CT		14,31	10,00				

Phụ biểu 04:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 86 /QĐ-UBND ngày 24 /02/2021 của UBND tỉnh)



TT	Tên công trình	Tổng diện tích đấu giá đất (m ²)	Địa điểm	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(13)
1	Đất thu hồi Trạm thu mua mía của Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi	0,09	Thị trấn Chợ Chùa	Tờ số 7 thửa 709	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh về việc giao đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Nghĩa Hành để quản lý, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo Quy định
TỔNG CỘNG: 1 CT		0,09			